

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
(Trước đây là CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI KHÍ VÀ HÓA CHẤT
VIỆT NAM)

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trung Quốc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Võ Ngọc Phụng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Lê Anh Nam	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Lê Thị Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Ông Lê Hoàng Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 2 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Võ Ngọc Phụng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Bà Lê Thị Mai	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Sơn Lâm	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2024)
Ông Đoàn Nguyên Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiều	Phó Giám đốc
Ông Phạm Xuân Quang	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Đặng Thị Dung	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Chu Thị Mai Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Đào Ngọc Mai	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus)
3A-3B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Võ Ngọc Phụng

Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số: 0137 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Global Pacific (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 22 tháng 02 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ngoài ra, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 14 tháng 8 năm 2023 đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
 Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MẪU B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		225.284.731.749	192.219.925.992
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	73.864.981.071	32.387.160.779
1. Tiền	111		73.864.981.071	9.187.160.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23.200.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.401.391.669	54.164.432.160
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	41.480.474.712	66.899.471.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	20.391.344.026	18.354.878.157
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.097.315.629	3.477.825.617
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(34.567.742.698)	(34.567.742.698)
III. Hàng tồn kho	140	9	6.901.666.647	5.207.125.253
1. Hàng tồn kho	141		6.901.666.647	5.207.125.253
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		107.116.692.362	100.461.207.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	5.042.573.219	847.738.785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16	102.074.019.143	99.613.369.015
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	100.000	100.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.020.441.277.654	1.046.312.313.752
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8	2.200.000.000	2.200.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.200.000.000	2.200.000.000
II. Tài sản cố định	220		976.834.814.208	1.034.382.370.105
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	976.834.814.208	1.034.344.370.105
- Nguyên giá	222		1.132.107.354.136	1.131.987.179.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.272.539.928)	(97.642.809.031)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	38.000.000
- Nguyên giá	228		746.000.000	746.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(746.000.000)	(708.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.913.246.315	668.382.627
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	16.913.246.315	668.382.627
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24.493.217.131	9.061.561.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	24.281.575.226	7.705.338.890
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	211.641.905	1.356.222.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.245.726.009.403	1.238.532.239.744

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
 Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		635.189.099.250	662.762.548.461
I. Nợ ngắn hạn	310		217.635.027.836	167.945.191.331
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	28.557.664.803	6.542.246.853
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.495.360	10.495.360
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	8.745.079.469	3.724.846.159
4. Phải trả người lao động	314	17	13.942.118.771	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	7.130.817.294	1.316.455.341
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		117.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	2.023.859.799	1.762.501.554
8. Vay ngắn hạn	320	20	154.526.571.432	154.526.571.432
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	2.581.420.908	62.074.632
II. Nợ dài hạn	330		417.554.071.414	494.817.357.130
1. Vay dài hạn	338	20	417.554.071.414	494.817.357.130
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22	610.536.910.153	575.769.691.283
I. Vốn chủ sở hữu	410		610.536.910.153	575.769.691.283
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.354.930.000	500.354.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.354.930.000	500.354.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(288.400.000)	(223.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.839.178.790	839.178.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.918.499.046	1.918.499.046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.712.702.317	72.880.683.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		740.000.251	35.156.637.790
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		37.972.702.066	37.724.045.657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.245.726.009.403	1.238.532.239.744



Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu



Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng




 Võ Ngọc Phụng
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	213.879.230.234	149.312.830.910
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		213.879.230.234	149.312.830.910
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	127.722.310.982	99.160.404.929
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		86.156.919.252	50.152.425.981
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.791.170.959	1.145.718.460
6. Chi phí tài chính	22	29	30.865.669.022	30.631.767.994
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.197.523.375	30.063.449.644
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	10.645.064.673	5.804.818.943
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		47.437.356.516	14.861.557.504
9. Thu nhập khác	31		310.571.720	435.078.000
10. Chi phí khác	32		-	286.300
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		310.571.720	434.791.700
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		47.747.928.236	15.296.349.204
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	8.630.645.945	2.951.756.772
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	1.144.580.225	97.079.452
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		37.972.702.066	12.247.512.980
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	706	413

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

002
NH
TN
AN
TE
AM
CH

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
 Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
 Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 03a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

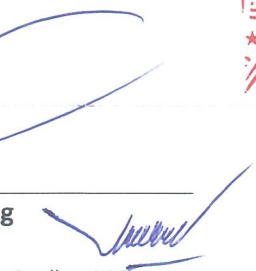
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.747.928.236	15.296.349.204
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	57.667.730.897	34.014.134.992
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	46.687.423	15.468.181
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.026.509.898)	(301.727.963)
Chi phí lãi vay	06	30.197.523.375	30.063.449.644
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	134.633.360.033	79.087.674.058
Thay đổi các khoản phải thu	09	14.308.868.848	105.787.770.836
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.694.541.394)	(2.015.916.732)
Thay đổi các khoản phải trả	11	26.355.075.171	19.052.033.086
Thay đổi chi phí trả trước	12	(20.771.070.770)	(9.612.796.367)
Tiền lãi vay đã trả	14	(30.662.638.767)	(30.055.951.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.674.282.742)	(1.051.239.742)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(686.136.920)	(420.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	117.808.633.459	160.771.224.126
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(120.175.000)	(419.325.510.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.026.509.898	301.727.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	906.334.898	(419.023.782.037)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	292.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(77.263.285.716)	(39.611.285.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(77.263.285.716)	252.388.714.284
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	41.451.682.641	(5.863.843.627)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.387.160.779	12.877.264.780
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.137.651	8.074.150
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	73.864.981.071	7.021.495.303


 Trương Đỗ Thanh Ngân
 Người lập biểu


 Lê Thanh Chi
 Kế toán trưởng


 Võ Ngọc Phụng
 Giám đốc
 Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC

Tầng 10, Tháp 1 thuộc dự án khu Văn phòng - Thương mại
Dịch vụ - Khách sạn (The Nexus), 3A-3B Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 11 năm 2018 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Khí và Hóa Chất Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 27, ngày 25 tháng 3 năm 2024, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Global Pacific. Hiện nay, Công ty đang hoạt động với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305020272 thay đổi lần số 29 ngày 26 tháng 06 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 12 tháng 9 năm 2011, với mã chứng khoán là PCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 155 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 129 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê tàu biển, tư vấn quản lý tàu biển và mua bán hàng hóa khí hóa lỏng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH/KỲ HOẠT ĐỘNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính/Kỳ hoạt động

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí sửa chữa tàu định kỳ và phản ánh tình hình quyết toán chi phí sửa chữa tàu định kỳ. Các chi phí này sẽ được chuyển sang chi phí trả trước và phân bổ từ thời điểm hoàn thành sửa chữa cho đến thời điểm sửa chữa tàu định kỳ tiếp theo.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm bao gồm các khoản phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ tàu, phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ và các khoản phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	221.522.986	14.768.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.643.458.085	9.172.392.596
Các khoản tương đương tiền	-	23.200.000.000
	73.864.981.071	32.387.160.779

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	15.562.203.860
Công ty TNHH DAHASA	5.529.046.980	38.039.046.980
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát (*)	1.980.164.840	1.800.000.000
Các khách hàng khác	18.953.310.887	11.498.220.244
	41.480.474.712	66.899.471.084

(*) Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát là bên liên quan của Công ty tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Thuyết minh số 34).

6. NỢ KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu khách hàng						
Lucky Ocean Shipping Company Limited	15.017.952.005	532.961.224	14.484.990.781	15.562.203.860	1.077.213.079	14.484.990.781
Công ty TNHH TMDV Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541	3.621.148.541	-	3.621.148.541
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.137.576.627	66.057.751	3.071.518.876	3.196.674.221	125.155.345	3.071.518.876
Các khoản trả trước cho người bán						
Công ty TNHH Thủy Sản HMP	13.381.028.500	-	13.381.028.500	13.381.028.500	-	13.381.028.500
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	-	-	34.507.860	34.507.860	-
Các khoản phải thu khác						
	9.056.000	-	9.056.000	9.056.000	-	9.056.000
	35.166.761.673	599.018.975	34.567.742.698	35.804.618.982	1.236.876.284	34.567.742.698

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Thủy sản HMP	13.381.028.500	13.381.028.500
Framo Singapore Pte Ltd	2.083.853.153	-
Các nhà cung cấp khác	4.926.462.373	2.573.849.657
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát (*)	-	2.400.000.000
	20.391.344.026	18.354.878.157

(*) Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát là bên liên quan của Công ty tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Thuyết minh số 34).

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ các công ty bảo hiểm (*)	5.015.773.032	214.928.138
Tạm ứng cho nhân viên	3.889.816.999	2.079.889.419
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	605.816.760	538.741.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	585.908.838	644.267.060
	10.097.315.629	3.477.825.617
b. Dài hạn		
Các khoản ký quỹ dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000

(*) Đây là các khoản phải thu bồi thường bảo hiểm cho các chi phí sửa chữa liên quan đến các sự cố tàu. Tại ngày lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục, hồ sơ để thu hồi lại các khoản bồi thường này từ các công ty bảo hiểm.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.623.206.656	4.928.665.262
Công cụ, dụng cụ	140.323.428	140.323.428
Hàng hóa	138.136.563	138.136.563
	6.901.666.647	5.207.125.253

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí thuê văn phòng	3.507.327.390	-
Phí bảo hiểm	1.175.245.829	847.738.785
Chi phí ấn phẩm hàng hải, hải đồ điện tử	360.000.000	-
	5.042.573.219	847.738.785
b. Dài hạn		
Phí đăng kiểm, kiểm tra tàu và sửa chữa định kỳ	23.399.908.278	7.671.739.984
Công cụ, dụng cụ	881.666.948	33.598.906
	24.281.575.226	7.705.338.890

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	623.873.636	1.130.825.616.649	537.688.851	1.131.987.179.136
Tăng trong kỳ	120.175.000	-	-	120.175.000
Số dư cuối kỳ	744.048.636	1.130.825.616.649	537.688.851	1.132.107.354.136
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	413.573.799	96.818.375.608	410.859.624	97.642.809.031
Khấu hao trong kỳ	-	57.578.139.936	51.590.961	57.629.730.897
Số dư cuối kỳ	413.573.799	154.396.515.544	462.450.585	155.272.539.928
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	210.299.837	1.034.007.241.041	126.829.227	1.034.344.370.105
Tại ngày cuối kỳ	330.474.837	976.429.101.105	75.238.266	976.834.814.208

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Tàu vận tải Goby có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 289.820.944.840 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 305.347.066.888 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo hợp đồng thế chấp số 0053/2022-HĐTC1-BVB067 ngày 8 tháng 11 năm 2022.
- Tàu vận tải Orion có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 362.946.478.979 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 381.995.024.435 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0003-2023-HĐTC1-BVB067 ngày 21 tháng 2 năm 2023.
- Tàu vận tải Loyal có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 320.815.624.615 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 343.461.433.411 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0047-2023- HĐTD1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023.
- Xe Toyota có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2.666.412.487 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.947.087.489 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Một Thành Viên Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021.

Các phương tiện vận tải trên có tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 lần lượt là 1.127.466.425.741 đồng và 976.249.460.921 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.127.466.425.741 đồng và 1.033.750.612.223 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.846.507.031 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.846.507.031 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	746.000.000
Tăng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>746.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN	
Số dư đầu kỳ	708.000.000
Khấu hao trong kỳ	38.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>746.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	<u>38.000.000</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 746.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 290.000.000 đồng).

13. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí mua sắm tài sản cố định	40.740.741	-
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	16.872.505.574	668.382.627
	<u>16.913.246.315</u>	<u>668.382.627</u>

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong kỳ:

	Chi phí lãi vay VND	Chi phí phải trả VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.327.112.804	29.109.326	1.356.222.130
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(1.327.112.804)	182.532.579	(1.144.580.225)
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>211.641.905</u>	<u>211.641.905</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Thương Mại Minh Dũng	6.533.282.187	2.467.327.280
Công ty Cổ phần Nosco Shipyard	3.239.295.239	500.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát (*)	2.791.200.726	-
Khác	15.993.886.651	3.574.919.573
	<u>28.557.664.803</u>	<u>6.542.246.853</u>

(*) Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Hàng Hải Hưng Phát là bên liên quan của Công ty tính đến ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Thuyết minh số 32).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Các khoản phải thu	Số đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	99.613.369.015	3.760.277.723	1.299.627.595	102.074.019.143
Khác	100.000	-	-	100.000
	99.613.469.015	3.760.277.723	1.299.627.595	102.074.119.143

(*) Đây là thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh từ các giao dịch mua sắm tài sản và chi phí hoạt động kinh doanh, các khoản này sẽ được hoàn lại hoặc khấu trừ với nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải trả phát sinh trong tương lai.

Các khoản phải trả	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	416.927.904	416.927.904	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	119.680.761	119.680.761	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.674.282.742	8.630.645.945	3.674.282.742	8.630.645.945
Thuế thu nhập cá nhân	50.563.417	485.620.091	421.749.984	114.433.524
Khác	-	11.302.176	11.302.176	-
	3.724.846.159	9.664.176.877	4.643.943.567	8.745.079.469

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tiền lương phải trả được trích lập theo định biên lao động và quỹ lương kế hoạch được phê duyệt cho năm 2024.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phải trả liên quan đến sửa chữa tàu do gặp sự cố	2.999.400.000	-
Chi phí phải trả liên quan đến sửa chữa định kỳ	2.367.414.448	-
Chi phí lãi vay	705.793.320	1.170.908.712
Khác	1.058.209.526	145.546.629
	7.130.817.294	1.316.455.341

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	260.683.845	118.548.549
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	937.058.585	937.058.585
Các khoản phải trả, phải nộp khác	826.117.369	706.894.420
	2.023.859.799	1.762.501.554

20. VAY

	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND	VND		VND
	Giá trị	Chuyển từ vay dài hạn sang ngắn hạn	Thanh toán	Giá trị
Vay dài hạn đến hạn trả	154.526.571.432	77.263.285.716	(77.263.285.716)	154.526.571.432
Vay dài hạn	494.817.357.130	(77.263.285.716)	-	417.554.071.414
	649.343.928.562	-	(77.263.285.716)	572.080.642.846

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	422.571.432	422.571.432
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	154.104.000.000	154.104.000.000
	154.526.571.432	154.526.571.432
b. Vay dài hạn		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam (i)	1.162.071.414	1.373.357.130
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn (ii)	416.392.000.000	493.444.000.000
	417.554.071.414	494.817.357.130

(i) Vay Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1000576636 ngày 17 tháng 3 năm 2021 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 6,99%/năm (áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân), được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo từ bên cho vay, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 23 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (xem Thuyết minh số 11).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Nam Sài Gòn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0093-2022-HĐTD1-BVB067 ngày 08 tháng 11 năm 2022 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 13,3%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2022. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 25 hàng tháng (năm trước là 3 tháng/lần), thanh toán lần đầu vào ngày 09 tháng 02 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Goby – số hiệu XVHZ7/9363833 theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0053/2022-HĐTC1-BVB067 ngày 08 tháng 11 năm 2022.
- Hợp đồng tín dụng số 0017-2023-HĐTD1-BVB067 ngày 21 tháng 02 năm 2023 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 14,5%/năm (áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2023. Số tiền vay được hoàn trả ngày 25 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 23 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Orion (tên cũ MT Bass) – số hiệu XVIP/9400370 theo Hợp đồng thế chấp tàu số 0003-2023-HĐTC1-BVB067 ngày 21 tháng 02 năm 2023.

- Hợp đồng tín dụng số 0047-2023-HĐTD1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023 để mua sắm phương tiện vận tải với lãi suất 11,5%/năm (áp dụng số định từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023), được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2023. Số tiền vay được hoàn trả vào ngày 25 hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển mang tên Loyal – số hiệu XVIC7/9345881 theo Hợp đồng thế chấp tàu biển số 0047-2023- HĐTD1-BVB067 ngày 11 tháng 8 năm 2023.
- Căn cứ vào thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay số 166/2024/TB-BVB.NSG thì mức lãi suất áp dụng cho 3 khoản vay tín dụng tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt là 9%/năm, áp dụng từ ngày 05 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	154.526.571.432	154.526.571.432
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	417.554.071.414	494.817.357.130
	572.080.642.846	649.343.928.562
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(154.526.571.432)	(154.526.571.432)
Số phải trả sau 12 tháng	417.554.071.414	494.817.357.130

21. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	58.936.764	800.000.000	-	858.936.764
Quỹ phúc lợi	3.137.868	1.840.683.196	121.336.920	1.722.484.144
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	500.000.000	500.000.000	-
Cộng	62.074.632	3.140.683.196	621.336.920	2.581.420.908

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	50.035.493	500.354.930.000	50.035.493	500.354.930.000
Đã phát hành và vốn góp đủ	<u>50.035.493</u>	<u>500.354.930.000</u>	<u>50.035.493</u>	<u>500.354.930.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ phần sở hữu của các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)
Ông Đỗ Anh Việt	132.960.000.000	26,57	26,57	132.960.000.000	26,57	26,57
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	0,00	0,00	132.583.200.000	26,50	26,50
Bà Trần Thị Thu Hà	111.552.800.000	22,29	22,29	88.552.800.000	17,70	17,70
Ông Trần Vọng Phúc	110.730.520.000	22,13	22,13	80.730.520.000	16,13	16,13
Ông Cao Đức Sơn	92.862.800.000	18,56	18,56	13.259.405.645	2,65	2,65
Các cổ đông khác	52.248.810.000	10,44	10,44	52.269.004.355	10,45	10,45
	<u>500.354.930.000</u>	<u>100</u>	<u>100</u>	<u>500.354.930.000</u>	<u>100</u>	<u>100</u>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Số dư đầu kỳ trước	275.998.960.000	-	839.178.790	1.918.499.046	36.265.707.248	315.022.345.084
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.247.512.980	12.247.512.980
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(709.069.458)	(709.069.458)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	275.998.960.000	-	839.178.790	1.918.499.046	47.404.150.770	326.160.788.606
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Số dư đầu kỳ này	500.354.930.000	(223.600.000)	839.178.790	1.918.499.046	72.880.683.447	575.769.691.283
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	37.972.702.066	37.972.702.066
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	69.000.000.000	-	(69.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.640.683.196)	(2.640.683.196)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Khác	-	(64.800.000)	-	-	-	(64.800.000)
Số dư cuối kỳ này	500.354.930.000	(288.400.000)	69.839.178.790	1.918.499.046	38.712.702.317	610.536.910.153

(*) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm số trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành, quỹ đầu tư và phát triển của Công ty với số tiền lần lượt là 2.640.683.196 đồng, 500.000.000 đồng và 69.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024.

Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 đã thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ Công ty theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCD ngày 31 tháng 5 năm 2024. Theo Nghị quyết số 18/2024/NQ-PCT-HDQT ngày 17 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc điều chỉnh phương án chào bán và triển khai chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với tổng giá trị chào bán 333.569.960.000 đồng theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến là 333.569.960.000 đồng được dùng để bổ sung vốn đầu tư tài số 05 chờ đầu sản phẩm/hóa chất trọng tài khoảng 19.000 – 25.000 DWT và trả nợ vay ngân hàng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Nghị quyết này.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	166.408,75	206.375,53
Euro ("EUR")	<u>160,96</u>	<u>160,96</u>

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Long Tân	643.278.863	643.278.863
Tạm ứng của lái xe Taxi đội 1	406.826.607	406.826.607
Tạm ứng mua nhiên liệu cho lái xe Taxi	584.972.173	584.972.173
Các đối tượng khác	<u>1.270.557.482</u>	<u>1.270.557.482</u>
	<u>2.905.635.125</u>	<u>2.905.635.125</u>

Các khoản nợ phải thu trên đã được xử lý xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo Quyết định số 253/QĐ-PCT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Công ty.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý tàu.
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

30/6/2024	Thương mại		Dịch vụ		Tổng
	VND	Dịch vụ vận tải	tư vấn quản lý tàu	VND	
Tài sản					
Tài sản bộ phận	5.529.046.980	1.005.199.158.760	12.102.322.100	1.022.830.527.840	
Tài sản không phân bổ				222.895.481.563	
Tổng Tài sản				1.245.726.009.403	
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	597.130.529.410	-	597.130.529.410	
Nợ phải trả không phân bổ				38.058.569.840	
Tổng Nợ phải trả				635.189.099.250	

31/12/2023	Thương mại		Dịch vụ		Tổng
	VND	Dịch vụ vận tải	tư vấn quản lý tàu	VND	
Tài sản					
Tài sản bộ phận	44.136.923.559	1.050.440.233.366	1.800.000.000	1.096.377.156.925	
Tài sản không phân bổ				142.155.082.819	
Tổng Tài sản				1.238.532.239.744	
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	654.947.369.468	-	654.947.369.468	
Nợ phải trả không phân bổ				7.815.178.993	
Tổng Nợ phải trả				662.762.548.461	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Thương mại và dịch vụ khác		Dịch vụ		Tổng
	VND	Dịch vụ vận tải	tư vấn quản lý tàu	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.818.184	198.434.412.050	15.246.000.000	213.879.230.234	
Giá vốn	(76.988.634)	(117.778.873.654)	(9.866.448.694)	(127.722.310.982)	
Kết quả hoạt động kinh doanh	121.829.550	80.655.538.396	5.379.551.306	86.156.919.252	
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(10.645.064.673)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				75.511.854.579	
Doanh thu hoạt động tài chính				2.791.170.959	
Chi phí tài chính				(30.865.669.022)	
Lợi nhuận khác				310.571.720	
Lợi nhuận kế toán trước thuế				47.747.928.236	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(8.630.645.945)	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.144.580.225)	
Lợi nhuận trong kỳ				37.972.702.066	
Thông tin khác					
Khấu hao				57.667.730.897	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Thương mại và dịch vụ khác VND	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ tư vấn quản lý tàu VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.452.480.070	125.713.001.704	7.147.349.136	149.312.830.910
Giá vốn	(16.285.829.134)	(76.905.383.233)	(5.969.192.562)	(99.160.404.929)
Kết quả hoạt động kinh doanh	166.650.936	48.807.618.471	1.178.156.574	50.152.425.981
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ				(5.804.818.943)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				44.347.607.038
Doanh thu hoạt động tài chính				1.145.718.460
Chi phí tài chính				(30.631.767.994)
Lợi nhuận khác				434.791.700
Lợi nhuận kế toán trước thuế				15.296.349.204
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.951.756.772)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(97.079.452)
Lợi nhuận trong kỳ				12.247.512.980
Thông tin khác				34.014.134.992
Khấu hao				

Bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý tàu, bán hàng thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24), trong khi doanh thu dịch vụ vận tải được thực hiện ở quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn theo khu vực địa lý như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu theo khu vực địa lý		
Doanh thu nội địa	15.444.818.184	23.599.829.206
Doanh thu quốc tế	198.434.412.050	125.713.001.704
	213.879.230.234	149.312.830.910
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn theo khu vực địa lý		
Giá vốn nội địa	9.943.437.328	22.255.021.696
Giá vốn quốc tế	117.778.873.654	76.905.383.233
	127.722.310.982	99.160.404.929

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	198.434.412.050	125.713.001.704
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý tàu	15.246.000.000	7.147.349.136
Doanh thu bán hàng thương mại và dịch vụ khác	198.818.184	16.452.480.070
	213.879.230.234	149.312.830.910
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Thuyết minh số 34)	1.779.409.092	3.394.457.242

26. GIÁ VỐN HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	117.778.873.654	76.905.383.233
Giá vốn dịch vụ tư vấn quản lý tàu	9.866.448.694	5.969.192.562
Giá vốn bán hàng thương mại và dịch vụ khác	76.988.634	16.285.829.134
	127.722.310.982	99.160.404.929

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.618.861.312	5.072.247.965
Chi phí nhân công	38.968.353.587	25.403.300.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.667.730.897	34.014.134.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.000.929.859	24.051.906.993
Chi phí khác bằng tiền	111.500.000	225.780.000
	138.367.375.655	88.767.370.372

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.787.546	5.823.972
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.764.661.061	843.990.497
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.017.722.352	295.903.991
	2.791.170.959	1.145.718.460

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	30.197.523.375	30.063.449.644
Lỗ chênh lệch tỷ giá	668.145.647	276.318.350
Chi phí tài chính khác	-	292.000.000
	30.865.669.022	30.631.767.994

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	4.117.775.686	2.649.169.768
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.584.059	77.570.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.265.963	386.594.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.931.938.965	2.527.704.606
Chi phí khác	111.500.000	163.780.000
	10.645.064.673	5.804.818.943

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	47.747.928.236	15.296.349.204
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.921.891.515	361.217.331
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	6.516.590.029	493.471.409
Thu nhập tính thuế	43.153.229.722	15.164.095.126
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.630.645.945	3.032.819.025
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(81.062.253)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.630.645.945	2.951.756.772

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	37.972.702.066	12.247.512.980
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(2.658.089.145)	(857.325.909)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.314.612.921	11.390.187.071
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phần)	50.035.493	27.599.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	706	413

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế kỳ hoạt động như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 7% lợi nhuận sau thuế. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai kỳ do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được trình bày lại do ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Thay đổi</u> VND	<u>Số trình bày lại</u> VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.247.512.980	-	12.247.512.980
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(612.375.649)	(244.950.260)	(857.325.909)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.635.137.331	(244.950.260)	11.390.187.071
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.599.896	-	27.599.896
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	422	(9)	413

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	3.305.268.500	868.477.500

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trong vòng một năm	5.320.659.610	7.960.302.950
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	34.706.000.000	36.376.280.966
	40.026.659.610	44.336.583.916

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê hoạt động khác. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn 5 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 14 tháng 11 năm 2028.

Công ty là bên cho thuê:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	198.633.230.234	125.911.819.888



Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	443.955.421.356	268.097.761.356
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	497.211.027.924	597.100.364.174
	941.166.449.280	865.198.125.530

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ Seastar Maritime Co. Ltd từ việc cho thuê các tàu Loyal, Goby và Orion với thời hạn thuê từ 30 tháng đến 60 tháng. Khoản ước tính này dựa trên đơn giá cho thuê tàu mới cập nhật tại thời điểm lập báo cáo và có thể thay đổi tùy theo tình hình thị trường.

Cam kết vốn

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2024 số 02/2024/NQ-PCT-ĐHCĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt:

- Đầu tư tàu số 04 loại chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải 19.997 DWT với giá mua 22,5 triệu USD. Tại ngày 21 tháng 6 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng mua bán tàu với Công ty TNHH Vận Tải Biển Châu Á Thái Bình Dương với trị giá là 570.555.000.000 đồng. Vào ngày 15 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và nhận bàn giao tàu này (Thuyết minh số 36); và
- Kế hoạch đầu tư tàu số 05 loại chở dầu sản phẩm/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT với tổng mức đầu tư không vượt quá 30,424 triệu USD. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty vẫn đang tiến hành quá trình nghiên cứu, thực hiện các chủ trương đầu tư nêu trên, chưa có bất kỳ thỏa thuận nào với đối tác được ký kết.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Đỗ Anh Việt
 Bà Trần Thị Thu Hà
 Ông Trần Vọng Phúc
 Ông Cao Đức Sơn

Ông Nguyễn Hồng Hiệp

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Hưng Phát

Mối quan hệ

Cổ đông sở hữu 26,57% vốn góp
 Cổ đông sở hữu 22,29% vốn góp
 Cổ đông sở hữu 22,13% vốn góp
 Cổ đông sở hữu 18,56% vốn góp
 (trở thành cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2024)
 Cổ đông
 (không còn là cổ đông lớn nắm giữ trên 5% cổ phần kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2024)
 Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt đến ngày 01 tháng 4 năm 2024

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Hưng Phát như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN GLOBAL PACIFIC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng		
Phí tư vấn quản lý tàu	1.680.000.000	3.394.457.242
Dịch vụ cho thuê xe	99.409.092	-
	1.779.409.092	3.394.457.242
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Thuê văn phòng	3.915.610.950	-
Phí tư vấn quản lý tàu	135.000.000	-
Phí docking	78.771.017	-
Mua khí hóa lỏng LPG	-	12.192.075.000
	4.129.381.967	12.192.075.000
Giao dịch khác		
Hoàn ứng cọc đơn hàng	-	13.000.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	273.445.840	267.422.400
Ông Trần Trung Quốc	10.000.000	-
Ông Võ Ngọc Phụng	8.000.000	-
Ông Lê Anh Nam	8.000.000	-
Ông Phạm Xuân Quang	8.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	23.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	15.000.000	2.863.636
Bà Lê Thị Mai	15.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Sơn Lâm	15.000.000	18.000.000
Ông Lê Hoàng Phương	6.000.000	2.863.636
	381.445.840	327.149.672
Ban Điều hành		
Ông Võ Ngọc Phụng	193.552.000	-
Bà Lê Thị Mai	82.585.759	122.157.426
Ông Nguyễn Sơn Lâm	170.918.000	68.720.850
Ông Đoàn Nguyên Sơn	328.707.000	309.992.850
Ông Nguyễn Văn Kiều	53.763.545	97.351.856
Ông Phạm Xuân Quang	99.294.000	-
Bà Lê Thanh Chi	207.497.995	207.753.838
	1.136.318.299	805.976.820
Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	53.927.360	-
Bà Đặng Thị Dung	10.000.000	12.000.000
Bà Chu Thị Mai Hương	3.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	3.000.000	-
Bà Đào Ngọc Mai	7.500.000	9.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Thanh	7.500.000	9.000.000
	84.927.360	30.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Hưng Phát	-	1.800.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Hưng Phát	-	2.400.000.000

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 705.793.320 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.170.908.712 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2024, Công ty đã hoàn tất các thủ tục và nhận bàn giao tàu số 4 – Tàu WINDSOR từ Công ty TNHH Vận Tải Biển Châu Á Thái Bình Dương. Ngoài ra Công ty đã được giải ngân khoản vay trị giá 393.260.000.000 đồng vào ngày 17 tháng 7 năm 2024 căn cứ theo hợp đồng cấp tín dụng số 0076/2024/HĐTD-OCB-DN ký ngày 27 tháng 6 năm 2024 với Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình nhằm mục đích thanh toán tiền mua tàu này.

Trương Đỗ Thanh Ngân
Người lập biểu

Lê Thanh Chi
Kế toán trưởng



Võ Ngọc Phụng
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

